

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2023/HS-PT**

Ngày: 14-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Võ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2023/TLPT-HS, ngày 23 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Khánh H và 02 đồng phạm do có kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2023/HS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Nguyễn Thị Khánh H; sinh năm 1989, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đắk Kual, xã D, huyện S, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở trước khi phạm tội: Bản Đắk Lép, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông; Trình độ học vấn lớp: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 và bà Mai Thị H1, sinh năm 1970; có chồng là Trương Văn C, sinh năm: 1993 và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/01/2023 ngày 29/3/2023; tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Văn T; sinh năm 1985, tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ dân phố 02, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông; Trình độ học vấn lớp 12/12; Nghề nghiệp Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1954; có vợ là Phan Thị T2, sinh năm 1985 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2011);

Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/01/2023 đến ngày 29/3/2023; tại ngoại; có mặt

3. Phan Đăng H2; sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Thôn 11, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông; Trình độ học vấn lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Đăng K, sinh năm 1948 và bà Đặng Thị Q1 (đã chết); có vợ là Vũ Thị H3, sinh năm 1990 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/01/2023 đến ngày 29/3/2023; tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Hoàng Thị Thành và Phạm Văn Vũ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Phạm & Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 80/4B, đường 38, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 159, đường Tam Bình, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02 năm 2022, vợ chồng ông Lê Văn H4 (tên thường gọi là L) và bà Lê Thị Tường V có nhu cầu chuyển nhượng 01 diện tích đất rẫy, thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 97, tại tổ dân phố 6, thị trấn Đức An, huyện S, tỉnh Đắk Nông, nên nhờ ông Nguyễn Văn S tìm người mua rẫy (gọi là môi giới). Hai bên thỏa thuận nếu ông S tìm được người mua rẫy của ông H4 với giá 2.800.000.000 đồng thì ông H4 sẽ cho ông S số tiền 100.000.000 đồng (gọi là phí môi giới). Quá trình ông H4 và ông S thỏa thuận với nhau thì có con gái ông S là Nguyễn Thị Khánh H, ngồi cùng nên biết được nội dung sự việc. H không nói gì với ông S việc H sẽ tự đi môi giới bán đất mà một mình H đến gặp Nguyễn Văn T, để thỏa thuận việc môi giới bán đất cho ông Lê Văn H4.

Đến đầu tháng 03 năm 2022, ông Nguyễn Đình Q đến huyện S mua 01 diện tích rẫy tiêu tại bản Đắk Lép, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông canh tác. Quá trình làm rẫy, ông Q thuê vợ của Nguyễn Văn T hái tiêu, T cũng thường xuyên đến rẫy tiêu của ông Q chơi nên cả hai quen biết nhau. Quá trình gặp, tiếp xúc T biết ông Q có nhu cầu mua thêm đất rẫy để canh tác và trước đó Nguyễn Thị Khánh H chỉ cho T biết diện tích đất của ông Lê Văn Hòa muốn bán nên Trung đã dẫn ông Quyền đến xem diện tích rẫy tiêu của ông H4, bà V. T nói ông Q đi xem rẫy trước thì ông Q đồng ý, cả hai không thỏa thuận nào liên quan đến việc ông Q phải trả phí môi giới bán đất cho T.

Ngày 20/3/2022, một mình ông Q tiếp tục đến rẫy tiêu của ông Lê Văn H4 để xem rẫy lần nữa thì gặp được ông Đoàn Thế D là người làm thuê cho ông Lê Văn H4. Sau khi nói chuyện, ông D đã đưa số điện thoại của ông Lê Văn H4 cho ông Q để hai

bên liên lạc với nhau. Sau đó, giữa ông Q và ông H4, bà V đã thỏa thuận mua bán diện tích đất rẫy trên với giá trị chuyển nhượng là: 2.650.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 31/03/2022, ông Q cùng với ông H4, bà V đến Văn phòng Công chứng S, tại tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện S ký kết hợp đồng đặt cọc số tiền: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Sau đó, Hòa có điện thoại cho T báo việc ông H4 đã bán rẫy bảo T tìm hiểu xem bán cho ai.

Đến khoảng 15 giờ 00 ngày 23/4/2022, T gọi cho H đến rẫy của ông Lê Văn H4 để gặp, nói chuyện về phí môi giới bán đất. Sau đó, Trung gọi thêm Phan Đăng H2 (là em vợ T) đi cùng. Sau khi đến nơi, H, T và H2 gặp ông Lê Văn H4 hỏi tại sao bán rẫy không báo cho Nguyễn Thị Khánh H biết mà lại tự làm (ý nói luồn cò) thì ông H4 nói việc bán diện tích đất rẫy này là do ông Nguyễn Đình Q tự tìm đến liên hệ rồi tự thỏa thuận mua bán với nhau. H, T và H2 nghe ông Lê Văn H4 nói vậy thì bực tức nên nói ông H4 gọi điện thoại yêu cầu ông Q về rẫy tiêu để nói chuyện. Thời điểm này ông Q cùng ông Đoàn Thế D đang chờ trụ tiêu gần đó về rẫy. Ông Q về thì gặp H, T, H2 và vợ chồng ông H4, bà V đang ngồi trong nhà rẫy, riêng ông D không vào nhà mà đứng ở ngoài.

Ông Q vào trong nhà thì T, H2 và H hỏi ông Q có phải là người mua rẫy của ông Lê Văn H4 hay không, lúc đầu ông Q không thừa nhận, nói chỉ mua hộ cho bạn vì không muốn rắc rối. Tuy nhiên, H, T và H2 đã gây sức ép buộc ông Q phải thừa nhận là người mua rẫy tiêu của ông H4 để lấy tiền công môi giới. T quát ông Q: *"Sao mày mua rẫy của ông L mà không nói với tao một tiếng"*, *"Mày có xác nhận tao là người chở mày đi xem rẫy tiêu của ông L hay không"*. Sau đó, T cúi xuống cầm ghế nhựa, đứng dậy, giơ lên rồi lao vào để đánh ông Q thì được ông Lê Văn H4 ngồi gần đó vào can ngăn. Lúc này H2 và H buộc ông Q phải thừa nhận đã mua rẫy tiêu của ông Lê Văn H4,

Thấy hành vi của H, T và H2 quyết liệt nên ông Q đã thừa nhận là người đã mua rẫy tiêu ông Lê Văn H4. Nghe ông Q nói vậy thì H, T và H2 tiếp tục to tiếng, quát mắng. H yêu cầu ông Q phải trả phí môi giới mua diện tích đất nói trên là 50.000.000 đồng. Do lo sợ nên ông Q nói vậy thì ông sẽ cho T số tiền 20.000.000 triệu đồng gọi là tiền cảm ơn chứ không phải trả phí môi giới. Tuy nhiên H, T và H2 vẫn không đồng ý với số tiền này, tiếp tục gây sức ép buộc ông Q giao tiền. Việc các đối tượng hùng hổ, quát mắng nên ông Q cho thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng và đây cũng là số tiền ông Q có thể lo được, nếu yêu cầu thêm ông Q không cho số tiền nào nữa vì không đủ khả năng tài chính. H, T và H2 vẫn không đồng ý mà ép buộc ông Q phải đưa đủ số tiền 50.000.000 triệu đồng. Lúc này, T quát lớn *"Tụi tao đến đây không phải là để xin mấy hai mươi triệu đồng, tao đến đây xem ai là người phải trả phí"*. H nói tiếp *"Bọn tôi đến đây là để lấy tiền chứ không phải xin ông tiền, đáng lẽ là được một trăm triệu đồng nhưng chỉ lấy năm mươi triệu đồng"*. T tiếp tục nói: *"Bọn tao đến*

đây để lấy tiền chứ không phải xin"; H2 cũng to tiếng và đe dọa ông Q "Ông mới tới đây mà sống như thế như làm sao sống ở đây được", H nói tiếp "Ông còn có rẫy ở thôn 7, xã N, còn ở đây lâu nên sống phải biết điều".

Trước sự uy hiếp liên tục bằng hành động và lời nói của H, T, H2 ông Q lo sợ việc có thể sẽ bị xâm hại đến tính mạng, tài sản của ông và gia đình, do đó đã miễn cưỡng đồng ý với số tiền 50.000.000 đồng theo yêu cầu của H, T và H2. Ông Q chuyển vào số tài khoản của H2 ở Ngân hàng Quân đội số 300.015.890.9999 số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*), đồng thời ghi nội dung giao dịch: "*Phi mg Dat a Long*", (tức phi môi giới đất anh Long). H2 kiểm tra số dư tài khoản, thấy không đủ tiền nên nói "*sao ông chỉ chuyển được ba mươi lăm triệu đồng vậy*". Ông Q trả lời, giờ tôi hết tiền rồi, còn lại mấy triệu để trả tiền phân và tiền mua trụ tiêu, đồng thời đưa điện thoại cho tất cả xem số dư tài khoản. Vì thấy các đối tượng nghi ngờ nên ông Q tự lấy ví da, mở ra để H, T và H2 tiếp tục xem tiền bên trong. H thấy trong ví còn tiền nên nói: "*Ông còn tiền sao bảo hết*", thì ông Q trả lời "*Tôi còn có mấy đồng để sống, sinh hoạt và đi lại*". Hòa nói tiếp, "*Vậy còn mười lăm triệu đồng ông tính sao*", ông Q trả lời: "*Còn lại mười lăm triệu đồng khi nào ra công chúng số tôi sẽ đưa đủ*". H tiếp tục đe dọa ông Q: "*Có mấy đồng chứ ra phòng công chúng mà lèng èng là cho ngưng số luôn, khỏi công chúng luôn*". Nói xong, H, T, H2 ra về sau đó đến quán cà phê tại tổ 4, thị trấn Đ chia nhau tiền, trong đó: T và H2 mỗi người lấy số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), H lấy số tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 28/4/2022, ông Nguyễn Đình Q gửi đơn tố cáo về hành vi cưỡng đoạt tài sản của Nguyễn Thị Khánh H, Nguyễn Văn T và Phan Đăng H2 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2023/HS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã quyết định:

Tuyên bố: Nguyễn Thị Khánh H, Nguyễn Văn T, Phan Đăng H phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Khánh H 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù.

Xử phạt bị cáo Phan Đăng H 03 (Ba) năm tù

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song về

áp dụng pháp luật, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Ngày 27-7-2023 Nguyễn Thị Khánh H, Nguyễn Văn T, Phan Đăng H2 kháng cáo bản án số 31/2023/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đề nghị xác định lại số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại, áp dụng khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự để giảm hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Song kết án về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định Điều 170 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm và kết luận: Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử Nguyễn Thị Khánh H, Nguyễn Văn T, Phan Đăng H về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số chiếm đoạt 50.000.000 đồng của bị hại và áp dụng khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là chưa phù hợp. Bởi lẽ, số tiền thực tế chiếm đoạt của bị hại là 35.000.000 đồng, đối với 15.000.000 đồng dù được bị hại hứa hẹn sẽ giao sau khi thực hiện xong việc Công chứng hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Đình Q và ông Lê Văn H4, nhưng sau đó các bị cáo đã tự ý ngừng hành vi chiếm đoạt số 15.000.000 đồng mà không vì lý do gì. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song và chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo theo hướng xác định số tiền chiếm đoạt là 35.000.000 đồng. Sửa bản án sơ thẩm về áp dụng điều luật và hình phạt đối với các bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Khánh H từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù; Nguyễn Văn T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù; Phan Đăng H2 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Luật sư Hoàng Thị Thành bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là chưa khách quan. Các bị cáo chỉ cưỡng đoạt số tiền 15.000.000 đồng của bị hại, vì khi gặp ông Q thì lúc đầu ông Q đồng ý cho các bị cáo số tiền là 20.000.000 đồng, sau đó các bị cáo yêu cầu phải đưa 50.000.000 đồng và thực tế mới nhận 35.000.000 đồng nên cần trừ số tiền ông Q đồng ý cho là 20.000.000 đồng. Do đó, với số tiền cưỡng đoạt là 15.000.000 đồng các bị cáo chỉ thỏa mãn điều kiện cấu thành cơ bản của tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị HĐXX xem xét xử phạt ở mức thấp nhất khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Phạm Văn Vũ bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm: Thống nhất quan điểm với luật sư Hoàng Thị Thành và mong HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát, đối với mức hình phạt đề nghị xem xét bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Đăng H2 đã bồi thường cho bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có công với cách mạng cha bị cáo T được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bà ngoại được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất; cha bị cáo H2 được tặng huân chương giải phóng; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ chưa có tiền án tiền sự nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt cho Nguyễn Văn T, Phan Đăng H2 mức thấp nhất của khung hình phạt và cho hưởng án treo.

Các bị cáo đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Luật sư cho rằng các bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng bị hại tự nguyện cho các bị cáo là không chính xác. Theo hồ sơ ban đầu bị hại có đồng ý đưa cho các bị cáo 20.000.000 đồng nhưng các bị cáo không đồng ý và có những lời nói xúc phạm nên bị hại không đồng ý cho số tiền 20.000.000 đồng. Đồng thời, phân hóa vai trò của từng bị cáo thì cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung, việc yêu cầu cho các bị cáo hưởng án treo là không phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Bản án sơ thẩm số: 31/2023/HS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Khánh H, Nguyễn Văn T, Phan Đăng H2 về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, và kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với kháng nghị áp dụng khung hình phạt: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng giữa ông Nguyễn Đình Q và Nguyễn Thị Khánh H, Phan Đăng H2, Nguyễn Văn T không có bất cứ một thỏa thuận nào về tiền môi giới mua bán đất, nhưng sau khi ông Q đặt cọc mua đất thì các bị cáo đã có hành vi đe dọa và uy hiếp tinh thần bị hại, yêu cầu ông Q đưa 50.000.000 đồng nhưng ông Q chỉ đồng ý giao 35.000.000 đồng thì các bị cáo tiếp tục có thái độ hung hăng, gây sức ép, uy hiếp tinh thần buộc bị hại phải đưa đủ số tiền 50.000.000 đồng. Do bị hại chỉ chuyển 35.000.000 đồng thì các bị cáo tiếp tục có hành động kiểm tra ví da, số dư tài khoản của bị hại, đồng thời có những lời nói hù dọa, quát nạt buộc bị hại phải tiếp tục

đưa cho các bị cáo số tiền còn lại, nhưng do bị hại không còn tiền nên các bị cáo không lấy được 50.000.000 đồng như mong muốn. Mặt khác, sau khi bị hại có đơn tố cáo và liên lạc với bị cáo H thì H vẫn yêu cầu bị hại giao số tiền 15.000.000 đồng còn lại (bút lúc số 86, 89, 91, 92, 109, 117, 120, 142, 145, 151, 156 - 158, 177, 260) thể hiện ý thức chủ quan muốn chiếm đoạt bằng được số tiền 50.000.000 đồng. Như vậy, cấp sơ thẩm áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự để xác định hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, nhưng trên thực tế các bị cáo mới chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt về mặt hậu quả. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song.

[2.2]. Đối với kháng cáo của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có mục đích chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, việc mới lấy được số tiền 35.000.000 đồng là do khách quan, ngoài ý muốn, ý chí chủ quan của các bị cáo buộc bị hại phải giao đủ số tiền 50.000.000 đồng, hành vi của các bị cáo chưa đạt đầy đủ về hậu quả. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với diễn biến của vụ án.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Khánh H và Nguyễn Văn T cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có công với cách mạng quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo thuộc đồng phạm giản đơn, vai trò của H và T ngang nhau, bị cáo H2 thấp hơn. Xét thấy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Khánh H mức án 03 năm 06 tháng tù Nguyễn Văn T và Phan Đăng H2 mức án 03 năm tù là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ, hành vi do các bị cáo gây ra. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Áp dụng Điều 15, Điều 57, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt cho phù hợp.

[3]. Đối với quan điểm của luật sư bào chữa cho các bị cáo có căn cứ một phần nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song và chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Thị Khánh H, Nguyễn Văn T, Phan Đăng H2 về giảm nhẹ hình phạt: Sửa Bản án sơ thẩm số: 31/2023/HS-ST, ngày

19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông về Điều luật và áp dụng hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Khánh H, Nguyễn Văn T, Phan Đăng H2 phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Khánh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ vào thời gian đã bị bắt tạm giam từ 17/01/2023 đến ngày 29/3/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ vào thời gian đã bị bắt tạm giam từ 17/01/2023 đến ngày 29/3/2023.

Xử phạt bị cáo Phan Đăng H2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ vào thời gian đã bị bắt tạm giam từ 17/01/2023 đến ngày 29/3/2023.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Đắk Nông;
- .- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk song;
- VKSND huyện Đắk song;
- TAND huyện Đắk song;
- Chi cục THADS huyện Đắk song;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: THCTP, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Hương